

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 08 tháng 09 năm 2020
“V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H – TỈNH B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lại Thiện Phong**
2. Ông **Danh On**

Thư ký phiên tòa: Bà **Thái Kim Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà **Lê Huyền Mao**
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST-DS, ngày 11 tháng 06 năm 2020 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 07 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1960 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh B

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1988 (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh B

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1961 (*Có mặt*)

2/ Chị **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1996 (*Có mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày: Vào khoảng tháng 04/2020 dương lịch, lợi dụng lúc vợ chồng ông Nguyễn Văn C vắng nhà (lúc đó ông C đang đi chăm sóc vợ ông là bà Dương Thị N bị bệnh ở bệnh viện Ngan Dừa) thì anh Nguyễn Văn S đã có hành vi đồn 10 cây

tràm đà lạt và 01 cây bạch đàn do vợ chồng ông C trồng trên 20 năm. Sau khi ông C nuôi bệnh vợ ông về thì ông phát hiện sự việc. Ông C có yêu cầu chính quyền ấp N, xã Q, huyện H mời anh S làm việc thì anh S thừa nhận có đốn của ông C 11 cây (trong đó có 10 cây tràm đà lạt và 01 cây bạch đàn) tuy nhiên anh S cho rằng ông C đã hứa cho anh S 11 cây nói trên khi vợ chồng ông C chuyển nhượng phần đất có các cây trồng này cho anh S và anh S không đồng ý bồi thường cho ông C. Tuy nhiên trên thực tế thì ông C chỉ đồng ý cho anh S có 03 cây cụ thể là cho 02 cây tràm đà lạt nằm trong phần đất chuyển nhượng và 01 cây bạch đàn nằm ngoài phần đất chuyển nhượng. Số cây còn lại là 08 cây tràm đà lạt (*mỗi cây có vòng tròn thân cây trên 120 cm*) nằm trong phần đất chuyển nhượng thì ông C không có cho anh S mà ông C để dành sử dụng. Khi chuyển nhượng đất thì hai bên có làm giấy tay sang bán đất nhưng nội dung ghi trong giấy tay chuyển nhượng đất chỉ đề cập đến phần đất chuyển nhượng mà không có nói đến số cây trồng trên đất.

Nay ông C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S phải bồi thường cho vợ chồng ông C giá trị 08 cây tràm đà lạt mà anh S đã đốn với tổng số tiền là 16.000.000 đồng (tương đương mỗi cây có giá là 2.000.000 đồng). Ngoài ra ông C không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày: Anh S không đồng ý bồi thường giá trị 08 cây tràm đà lạt với tổng số tiền là 16.000.000 đồng (tương đương mỗi cây có giá là 2.000.000 đồng) theo yêu cầu khởi kiện của ông C. Lý do là bởi vì trước đây vào ngày 11/8/2019 âm lịch vợ chồng ông Nguyễn Văn C (ông C là chú ruột của anh S) có chuyển nhượng cho vợ chồng anh S phần đất vườn tạp diện tích 1.600m² với giá là 45.000.000 đồng. Vợ chồng anh S đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông C và vợ chồng ông C cũng đã bàn giao đất cho vợ chồng anh S sử dụng. Khi hai bên chuyển nhượng đất thì trên phần đất chuyển nhượng có 10 cây tràm đà lạt (*trong đó có 09 cây tràm đà lạt có vòng tròn thân cây từ 60cm đến 100cm và có 01 cây to nhất có vòng tròn thân cây trên 150cm*). Lúc chuyển nhượng thì ông C có hứa với anh S là cho anh S 09 cây tràm đà lạt có vòng tròn thân cây từ 60cm đến 100cm và kêu anh S để lại cho ông C 01 cây tràm đà lạt to nhất có vòng tròn thân cây trên 150cm. Ngoài ra khi chuyển nhượng đất có một cây bạch đàn nằm ngoài phần đất chuyển nhượng thì ông C cũng có hứa cho anh S. Trước khi anh S đốn số cây nói trên thì anh S đã nhiều lần lại nhà ông C yêu cầu ông C đốn cây tràm đà lạt mà ông C kêu anh S để lại để anh S dọn vườn. Nhưng ông C cứ hứa hẹn mà không đốn nên đến đầu tháng 05 năm 2020 thì anh S dọn vườn và đốn số cây mà ông C hứa cho anh S nêu trên, bao gồm 01 cây bạch đàn nằm ngoài phần đất chuyển nhượng và 09 cây tràm đà lạt nằm trong phần đất chuyển nhượng. Sau khi anh S đốn và sử dụng số cây nêu trên được khoảng 20 ngày thì ông C lại nhà anh S yêu cầu anh S phải trả tiền cho số cây nêu trên nên anh S không đồng ý, sau đó thì ông C làm đơn gửi chính quyền ấp nhờ giải quyết và hiện tại thì ông C khởi kiện ra Tòa án. Khi chuyển nhượng đất thì hai bên có làm giấy tay, nội dung giấy chuyển nhượng đất chỉ đề cập đến phần đất chuyển nhượng chứ không có nói gì đến số cây trồng trên đất cũng như việc ông C hứa cho anh S số cây nói trên. Số cây mà anh S đã đốn của ông C nói trên hiện tại anh S đã cắt ra để đóng giường ngủ, cất chuồng heo, v.v...hiện tại không còn. Giá mua bán tại địa phương đối với 08 cây tràm đà lạt mà ông C yêu cầu vợ chồng anh S bồi thường anh S xác định

có giá bán tại địa phương chỉ khoảng 400.000 đồng/cây. Ngoài ra anh S không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị N trình bày: Bà N là vợ của ông Nguyễn Văn C. Bà thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của ông C cũng như lời khai của ông C trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Ngọc T trình bày: Chị T là vợ của anh Nguyễn Văn S. Chị T không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông C vì số cây mà ông C yêu cầu vợ chồng chị T, anh S bồi thường trước đây khi vợ chồng ông C chuyển nhượng đất cho vợ chồng chị thì ông C đã hứa cho nên chồng chị là anh S mới đồn. Khi ông C hứa cho vợ chồng chị T số cây nêu trên thì các bên không có làm giấy tờ, chỉ thỏa thuận miệng vì là chú cháu trong gia đình. Số cây mà anh S đã đồn của ông C nói trên hiện tại vợ chồng chị T, anh S đã cắt để làm chuồng nuôi heo, đóng giường ngủ và sử dụng vào một số việc khác. Chị T xác định giá mua bán mỗi cây trà đà lạt mà ông C yêu cầu vợ chồng chị bồi thường có giá bán tại địa phương là khoảng 400.000 đồng/cây. Ngoài ra chị T không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử hôm nay các đương sự, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như qua thẩm vấn tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Ngọc T cùng có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn C giá trị 08 cây trà đà lạt với tổng số tiền là 9.600.000 đồng (tương đương mỗi cây có giá 1.200.000 đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Ngọc T bồi thường giá trị 08 cây trà đà lạt với số tiền là 6.400.000 đồng.

Ngoài ra các bên đương sự còn phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn S và vợ là chị Trần Thị Ngọc T phải bồi thường giá trị 08 cây trà đà lạt mà anh S đã đồn của ông C với tổng số tiền là 16.000.000 đồng. Đây là tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản đồng thời bị đơn có nơi cư trú tại ấp N, xã Q, huyện H, tỉnh B nên căn cứ khoản 6

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H.

Về nội dung vụ án:

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn S bồi thường giá trị 08 cây tràm đà lạt với tổng số tiền là 16.000.000 đồng (tương đương mỗi cây có giá là 2.000.000 đồng), Hội đồng xét xử xét thấy:

Qua xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 09/7/2020 thì 08 cây tràm đà lạt mà ông Nguyễn Văn C yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Trần Thị Ngọc T bồi thường nằm trên phần đất mà ông C đã chuyển nhượng cho vợ chồng anh S, chị T vào ngày 11/8/2019 (âm lịch) còn lại hiện trạng trên thực địa là 08 gốc cây tràm đà lạt có chiều cao từ mặt đất trở lên khoảng 10cm và có đường kính gốc cụ thể như sau:

- Gốc cây thứ nhất: Có đường kính gốc 36cm và có vòng tròn gốc là 133cm.
- Gốc cây thứ hai: Có đường kính gốc 41cm và có vòng tròn gốc là 150cm.
- Gốc cây thứ ba: Có đường kính gốc 50cm và có vòng tròn gốc là 195cm.
- Gốc cây thứ tư: Có đường kính gốc 40cm và có vòng tròn gốc là 150cm.
- Gốc cây thứ năm: Có đường kính gốc 43cm và có vòng tròn gốc là 150cm.
- Gốc cây thứ sáu: Có đường kính gốc 43cm và có vòng tròn gốc là 160cm.
- Gốc cây thứ bảy: Có đường kính gốc 33cm và có vòng tròn gốc là 104cm.
- Gốc cây thứ tám: Có đường kính gốc 40cm và có vòng tròn gốc là 131cm.

[3] Qua xem xét biên bản hòa giải của tổ hòa giải ấp N, xã Q vào ngày 28/05/2020 cũng như lời khai của nguyên đơn và bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án có cơ sở để xác định 08 cây tràm đà lạt mà ông C yêu cầu vợ chồng anh S bồi thường qua xem xét thẩm định nêu trên là do ông C trồng và người đã đồn số cây này là anh Nguyễn Văn S vì được các bên đương sự thừa nhận. Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Anh S xác định trước đây vào ngày 11/8/2019 (âm lịch) thì vợ chồng ông Nguyễn Văn C có chuyển nhượng cho vợ chồng anh S phần đất vườn tạp diện tích 1.600m² với giá là 45.000.000 đồng. Khi chuyển nhượng đất thì ông C có hứa cho vợ chồng anh S 08 cây tràm đà lạt mà hiện nay ông C yêu cầu vợ chồng anh S bồi thường. Trước khi đồn số cây này thì anh S cũng đã nhiều lần lại nhà ông C thông báo về việc đồn cây và yêu cầu ông C đồn cây tràm đà lạt (cây to nhất) mà ông C kêu anh S chừa lại nhưng ông C cứ hứa hẹn mà không đồn nên khoảng đầu tháng 05 năm 2020 anh S dọn vườn và đồn số cây mà ông C hứa cho anh S nói trên. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án anh S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh anh S nhiều lần yêu cầu ông C đồn cây cũng như việc ông C đồng ý cho vợ chồng anh S 08 cây tràm đà lạt đang có tranh chấp hiện nay trong khi ông C không thừa nhận có hứa cho vợ chồng anh S số cây nói trên. Đồng thời, qua xem xét nội dung giấy tay chuyển nhượng đất giữa vợ chồng ông C và vợ chồng anh S vào 11/8/2019 (âm lịch) thì các bên cũng không có đề cập hay thỏa thuận gì liên quan đến số cây trồng có trên phần đất chuyển nhượng. Do đó, việc anh S trình bày ông C có hứa cho vợ chồng anh S 08 cây

trăm đà lạt đang có tranh chấp hiện nay là không có căn cứ từ đó dẫn đến việc anh S đồn 08 cây trăm đà lạt nêu trên của ông C đã xâm phạm đến tài sản của vợ chồng ông C. Mặc khác vợ chồng anh S, chị T cũng xác định 08 cây trăm đà lạt mà anh S đã đồn của ông C nói trên hiện tại vợ chồng anh S, chị T đã cắt ra để đóng giường ngủ, cất chuồng heo và sử dụng vào một số việc khác nên việc ông Nguyễn Văn C yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Trần Thị Ngọc T cùng có trách nhiệm bồi thường giá trị 08 cây trăm đà lạt mà anh S đã đồn của vợ chồng ông C là có cơ sở chấp nhận.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự không thống nhất được giá trị tài sản tranh chấp là 08 cây trăm đà lạt, phía ông C đưa ra giá mỗi cây trăm đà lạt là 2.000.000 đồng trong khi phía vợ chồng anh S, chị T đưa ra giá mỗi cây trăm đà lạt là 400.000 đồng. Tại buổi định giá ngày 18/8/2020 qua xem xét giá trị tài sản tranh chấp do hai bên đương sự đưa ra Hội đồng định giá thống nhất xác định giá trị mỗi cây trăm đà lạt mà ông C yêu cầu vợ chồng anh S, chị T bồi thường có giá thị trường là 1.200.000 đồng/cây.

[6] Do giá trị mỗi cây trăm đà lạt mà ông C yêu cầu vợ chồng anh S, chị T bồi thường có giá là 1.200.000 đồng/cây, nên chỉ có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và buộc vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn C giá trị 08 cây trăm đà lạt với tổng số tiền là **9.600.000 đồng** (08 cây x 1.200.000 đồng/cây = 9.600.000 đồng).

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 750.000 đồng anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Ngọc T phải liên đới chịu toàn bộ do yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với 08 cây trăm đà lạt của ông Nguyễn Văn C được Tòa án chấp nhận.

[9] Về án phí:

- Mặc dù ông Nguyễn Văn C chỉ được chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền là 9.600.000 đồng tuy nhiên ông C thuộc diện người cao tuổi đồng thời ông C có đơn xin miễn án phí nên ông C không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

- Anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Ngọc T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền buộc phải trả cho ông Nguyễn Văn C là 480.000 đồng ($9.600.000 \text{ đồng} \times 5\% = 480.000 \text{ đồng}$).

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào các Điều 2; 6; 7, 7a; 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C đối với anh Nguyễn Văn S.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Văn C và bà Dương Thị N giá trị 08 cây trà m địa lạt với tổng số tiền là 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C yêu cầu anh Nguyễn Văn S bồi thường giá trị 08 cây trà m địa lạt với tổng số tiền là 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm ngàn đồng*).

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Nguyễn Văn C đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng là 1.500.000 đồng theo phiếu thu số T073 ngày 06/7/2020 và phiếu thu số T086 ngày 14/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, đã chi hết 1.350.000 đồng nên ông Nguyễn Văn C được hoàn lại 150.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện H.

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Ngọc T có trách nhiệm liên đới hoàn lại số tiền 1.350.000 đồng tiền tạm ứng chi phí tố tụng cho ông Nguyễn Văn C tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Trần Thị Ngọc T phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 480.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ông Nguyễn Văn C không phải chịu án phí, ông C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 400.000 đồng theo biên lai thu số 0003130 ngày 11/06/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H được hoàn lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (1b);
- VKSND huyện (2b);
- CC.THADS huyện (1b);
- Các đương sự (4b);
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa (2b).

Phan Tú Anh